

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TXG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TXG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TXG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TXG

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109607480

**3. Ngày thành lập:** 23/04/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

HD03-11, đường Hướng Dương 3, KĐT Vinhomes Riverside 2, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0349063386

Fax:

Email: [to.binh.175@gmail.com](mailto:to.binh.175@gmail.com)

Website: <https://txgcorp.com/>

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6201     |
| 2.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6202     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>- Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường về công nghệ thông tin.<br>- Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin.<br>- Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật.<br>- Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử.<br>- Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin.<br>- Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu.<br>- Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin.<br>- Đào tạo công nghệ thông tin. | 6209     |
| 4.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6311     |
| 5.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6399     |
| 6.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư<br>(Loại trừ các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm giao dịch thẻ tín dụng; Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp, các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng, tư vấn pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6619     |

|     |                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                               | 7310        |
| 8.  | In ấn                                                                                                                                                                                   | 1811        |
| 9.  | Dịch vụ liên quan đến in<br>(trừ in tem)                                                                                                                                                | 1812        |
| 10. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                               | 1820        |
| 11. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                | 7320        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được<br>phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các loại mặt hàng công ty kinh doanh                                             | 8299        |
| 13. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                               | 6312        |
| 14. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ tổ chức họp báo)                                                                                                                      | 8230        |
| 15. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                      | 5820        |
| 16. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                          | 7410(Chính) |
| 17. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                  | 4610        |
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ bán buôn dược phẩm)                                                                                                                          | 4649        |
| 19. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                     | 4651        |
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                      | 4652        |
| 21. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                       | 4669        |
| 22. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                       | 4690        |
| 23. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn<br>thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                               | 4741        |
| 24. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                               | 4742        |
| 25. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ súng đạn loại dùng để đi săn hoặc thể thao; bán lẻ<br>tem và tiền kim khí; bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu) | 4773        |
| 26. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                      | 4791        |
| 27. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                 | 4799        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 180.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | DƯƠNG NGỌC TUẤN | Số 7 đường Đào Sư Tích 2, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 50.000     | 500.000.000           | 27,778    | 122059999                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                           | Tổng số                   | 50.000     | 500.000.000           | 27,778    |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ HỮU BÌNH     | Số 1188 đường Hoàng Hoa Thám, Xã Song Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông         | 800.000    | 8.000.000.000         | 444,444   | 122097097                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                           | Tổng số                   | 800.000    | 8.000.000.000         | 444,444   |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                     |                                    |        |             |        |                  |  |
|---|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|--|
| 3 | VŨ QUANG<br>HUY | Số 132 đường<br>391, Thị trấn Tứ<br>Kỳ, Huyện Tứ<br>Kỳ, Tỉnh Hải<br>Dương, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000 | 500.000.000 | 27,778 | 0300940055<br>35 |  |
|   |                 |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                     | Tổng số                            | 50.000 | 500.000.000 | 27,778 |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ HỮU BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/05/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 122097097

Ngày cấp: 16/09/2016

Nơi cấp: Công an Tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1188 đường Hoàng Hoa Thám, Xã Song Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 1188 đường Hoàng Hoa Thám, Xã Song Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội